

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/4/2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình.
2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1975; *nơi cư trú:* Số 31, đường L, tổ 4, khu phố A, thị trấn B, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1972; *nơi cư trú:* Số 31, đường L, tổ 4, khu phố A, thị trấn B, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt chị H và anh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 01 năm 2021, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành N tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài. Nguyên nhân là do anh N không chăm lo làm ăn, thường xuyên uống rượu nên giữa vợ

chồng thường hay xảy ra cãi vã. Trước đây chị có nộp đơn khởi kiện ly hôn anh N tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, nhưng vì các con còn nhỏ nên chị đã rút đơn khởi kiện, tuy nhiên anh N vẫn không thay đổi. Chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng nhau; mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn lại được. Chị yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành N.

Về con chung: Chị và anh N có 03 con chung tên Nguyễn Thành P, sinh năm 1995; Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1997 và Nguyễn Trần Tuấn A, sinh ngày 19/9/2009. Hiện 02 con Thành P và Thanh P1 đã trên 18 tuổi. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tuấn A, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thành N trình bày: Về quá trình kết hôn theo như lời trình bày của chị Trần Thị H là đúng. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H có quan hệ ngoại tình bên ngoài, có số điện thoại lạ thường xuyên gọi điện cho chị H, anh có hỏi chị H số điện thoại của ai thì chị H không cho biết. Sự việc trên xảy ra từ năm 2008 đến nay. Anh vẫn còn thương yêu vợ nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Về họ tên, ngày tháng năm sinh của 03 con chung như chị H trình bày là đúng. Hai cháu Thành P và Thanh P1 đã trên 18 tuổi và có công việc ổn định. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý giao cháu Nguyễn Trần Tuấn A cho chị H được quyền nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng việc hòa giải không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và theo giấy trích lục kết hôn số 38/TLKH-BS ngày 14/01/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Thấy rằng, hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thành N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị H cho rằng anh N thường hay uống rượu, không chăm lo cho gia đình; còn anh N cho rằng chị H không chung thủy, có quan hệ ngoại tình bên ngoài, từ đó xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn ngày càng kéo dài, nhưng giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh chị không còn tin tưởng và quý trọng nhau. Xét thấy, cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh N thống nhất thỏa thuận giao cháu Nguyễn Trần Tuấn A, sinh ngày 19/9/2009 cho chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, hơn nữa cháu Tuấn A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, cần giao cháu Tuấn A cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo luật định, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56,

Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về hôn nhân: Chị Trần Thị H ly hôn anh Nguyễn Thành N.

2/ Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Trần Tuấn A, sinh ngày 19/9/2009. Anh Nguyễn Thành N không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

4/ Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005196 ngày 29/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (06/4/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh,
- Chi cục THA dân sự huyện Đức Linh,
- UBND TT. B,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Thuận